

Số: /BC-UBND

Nam Thanh Miện, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính Quý II năm 2026

Thực hiện Công văn số 2237/UBND-NVKTGS ngày 27/8/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ; Thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước xã Nam Thanh Miện năm 2026;

Ủy ban nhân dân xã Nam Thanh Miện báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính Quý II năm 2026, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Trong Quý II năm 2026, UBND xã Nam Thanh Miện tiếp tục quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp.

UBND xã đã tập trung chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm:

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2026 của UBND xã Nam Thanh Miện theo định hướng và chỉ tiêu thành phố giao.

- Ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn xã.

- Lãnh đạo UBND xã tổ chức các cuộc họp giao ban định kỳ để kiểm điểm tiến độ thực hiện nhiệm vụ CCHC, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cải cách hành chính, chuyển đổi số thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở, Cổng thông tin điện tử xã và các hội nghị tại thôn.

- Tiếp tục duy trì hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, bảo đảm tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Tăng cường ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành, chữ ký số, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý công việc trên môi trường điện tử.

Trong quý, UBND xã đã chỉ đạo triển khai nhiều nhiệm vụ trọng tâm về cải cách hành chính, gồm: tổ chức kiểm tra nội bộ công tác cải cách hành chính; rà soát, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015; tổ chức tập huấn sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành năm 2026; kiểm tra hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC QUÝ II NĂM 2026

1. Cải cách thể chế

- Ban hành và triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo điều hành thuộc thẩm quyền của UBND xã theo đúng quy định của pháp luật.

- Trong kỳ báo cáo, địa phương chưa thực hiện ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền cấp xã.

- Tiếp tục tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật thông qua các hội nghị tại các thôn và các hình thức tuyên truyền khác.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Công tác cải cách thủ tục hành chính được triển khai tập trung tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã.

- Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố 375 thủ tục; trong đó số TTHC được công khai: 375 thủ tục (*trong đó 155 thủ tục DVC trực tuyến một phần, 220 thủ tục DVC trực tuyến toàn trình*)

Kết quả tiếp nhận và giải quyết hồ sơ:

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 5.683 hồ sơ.

+ Hồ sơ trực tuyến: 5.660 hồ sơ.

+ Hồ sơ từ kỳ trước chuyển sang: 23 hồ sơ.

Kết quả giải quyết:

- Đã giải quyết: 5.650 hồ sơ.

- Giải quyết trước hạn: 5.612 hồ sơ.

- Có 01 hồ sơ quá hạn.

- Từ chối, không giải quyết: 24 hồ sơ.

- Rút hồ sơ: 13 hồ sơ.

- Đang giải quyết: 33 hồ sơ, (trong đó 32 hồ sơ trong hạn, 01 Hồ sơ yêu cầu bổ sung).

Công tác tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị

Trong kỳ báo cáo:

- Tổng số phản ánh kiến nghị tiếp nhận: 11
- + 02 phản ánh trên hệ thống tổng đài 1022 Hải Phòng.
- + 09 phản ánh trên Công Dịch vụ công quốc gia
- Kết quả xử lý: 11/11 phản ánh được giải quyết, đạt tỷ lệ 100%.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Tổng số biên chế công chức được giao: 47 người.
- Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo: 40 người.
- Số hợp đồng lao động tại cơ quan hành chính: 3 người.
- Số biên chế đã tinh giản trong kỳ: 0 người.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập:

- Tổng số người làm việc được giao: 396 người.
- Tổng số người làm việc có mặt: 360 người.
- Hợp đồng lao động 33 người.

4. Cải cách chế độ công vụ

- UBND xã tiếp tục thực hiện việc quản lý cán bộ, công chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt.

- Không phát sinh trường hợp tuyển dụng mới công chức, viên chức trong kỳ báo cáo.

- Không có trường hợp cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật trong Quý II năm 2026.

5. Cải cách tài chính công

- Kế hoạch vốn đầu tư công được giao: 37.094 triệu đồng.
- Số vốn đã giải ngân: 19.884 triệu đồng.
- Tỷ lệ giải ngân đạt: 53,6%.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập:

- Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập: 14 đơn vị.
- 14/14 đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

- Tổng số dịch vụ công đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình: 220 thủ tục.
- 220/220 dịch vụ công đã được cung cấp trực tuyến toàn trình, đạt tỷ lệ 100%.

Phát sinh hồ sơ trực tuyến:

- Tổng số dịch vụ công có phát sinh hồ sơ: 33 thủ tục.
- 33/33 dịch vụ công có phát sinh hồ sơ trực tuyến.

Kết quả tiếp nhận hồ sơ trực tuyến:

- Tổng số hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 907 hồ sơ.
- Số hồ sơ nộp trực tuyến: 907 hồ sơ (đạt 100%).

Đối với dịch vụ công trực tuyến một phần:

- Tổng số hồ sơ: 4.501 hồ sơ.
- Số hồ sơ nộp trực tuyến: 4.501 hồ sơ (đạt 100%).

Thanh toán trực tuyến:

- Tổng số thủ tục hành chính có nghĩa vụ tài chính: 43 thủ tục.
- 43/43 thủ tục đã được tích hợp thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính được triển khai kịp thời, bám sát chỉ đạo của thành phố.
- Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện đúng quy định, tỷ lệ giải quyết đúng hạn đạt cao.
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành tiếp tục được tăng cường.
- Chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã ngày càng được nâng cao.

2. Tồn tại, hạn chế

- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình còn chưa cao so với yêu cầu chuyển đổi số.
- Một số cán bộ, công chức kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ nên việc triển khai một số nội dung CCHC còn gặp khó khăn.
- Hạ tầng công nghệ thông tin tại một số vị trí làm việc còn hạn chế.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ III NĂM 2026

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2026.
- Đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến, nâng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính.
- Tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Đề nghị UBND thành phố tiếp tục quan tâm hỗ trợ kinh phí cho hoạt động cải cách hành chính và chuyển đổi số cấp xã.

Trên đây là báo cáo của UBND xã Nam Thanh Miện về công tác cải cách hành chính Quý II năm 2026./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố;
- Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng;
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND;
- Lãnh đạo UBND;
- Lưu: VT, VHXX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vũ Văn Nguyễn

Phụ lục III

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ
(Dành cho UBND các xã, phường, đặc khu)

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / / 2026 của UBND xã)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	8	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	60,5%	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	38	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	23	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số đơn vị đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	5	(Nếu có)
3.2.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100%	
3.2.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	2	
3.2.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	2	
4.	Thực hiện nhiệm vụ UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	46	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.1.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	30	
4.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.1.3.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
4.2.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
4.3.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1		

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹ do địa phương ban hành	Văn bản	0	
	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	

¹ Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
1.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	%	100%	
1.2.	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phục thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	331	
2.	Kết quả giải quyết TTHC			
2.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99.32%	
2.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	5.650	
2.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	5.612	
2.2.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100%	
2.2.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	11	
2.2.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	11	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số liệu về biên chế công chức			
1.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	47	
1.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	40	
1.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	3	
1.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
2.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	396	
2.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	360	
2.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	4	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	14	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.1.	Số lãnh đạo UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	53,6	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	37.094	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	19.884	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	14	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	14	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị		

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
1.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	= 100%	
1.1.1.	<i>Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	220	
1.1.2.	<i>Số lượng DVCTT toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	220	
1.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	= 100%	
1.2.1.	<i>Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)</i>	<i>Thủ tục</i>	33	
1.2.2.	<i>Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	33	
1.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	= 100%	
1.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)</i>	<i>Thủ tục</i>	907	
1.3.2.	<i>Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	907	
1.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	= 100%	
1.4.1.	<i>Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)</i>	<i>Hồ sơ</i>	4.501	
1.4.2.	<i>Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần</i>	<i>Hồ sơ</i>	4.501	
1.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	= 100%	
1.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	43	
1.5.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	43	